



# **Cơ chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đầu tư và thực hiện dự án các-bon rừng**

Từ chính sách đến thực tiễn

---

Trần Hồng Nhung  
Phạm Thu Thủy



# **Cơ chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đầu tư và thực hiện dự án các-bon rừng**

Từ chính sách đến thực tiễn

Trần Hồng Nhung  
Bộ Tài chính; Flinders University

Phạm Thu Thủy  
Flinders University

Báo cáo kỹ thuật 54

© 2025 CIFOR-ICRAF



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phái sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

DOI: 10.17528/cifor-icraf/009386

Trần HN, Phạm TT. 2025. *Cơ chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đầu tư và thực hiện dự án các-bon rừng: Từ chính sách đến thực tiễn*. Báo cáo kỹ thuật 54. Bogor, Indonesia: CIFOR; Nairobi, Kenya: ICRAF.

CIFOR  
Jl. CIFOR, Situ Gede  
Bogor Barat 16115  
Indonesia  
T +62 (251) 8622622  
F +62 (251) 8622100  
E [cifor@cifor-icraf.org](mailto:cifor@cifor-icraf.org)

ICRAF  
United Nations Avenue, Gigiri  
PO Box 30677, Nairobi, 00100  
Kenya  
T +254 (20) 7224000  
F +254 (20) 7224001  
E [worldagroforestry@cifor-icraf.org](mailto:worldagroforestry@cifor-icraf.org)

**[cifor-icraf.org](http://cifor-icraf.org)**

Tất cả các thiết kế về hình ảnh và tài liệu trong ấn phẩm này không thể hiện bất cứ quan điểm nào của CIFOR-ICRAF, các đối tác hay các nhà tài trợ về các quy định hiện hành của quốc gia.

# Mục lục

|                                                                                                                                                             |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Lời cảm ơn                                                                                                                                                  | iv        |
| Tóm tắt tổng quan                                                                                                                                           | v         |
| <b>1 Lời mở đầu</b>                                                                                                                                         | <b>1</b>  |
| <b>2 Sự cần thiết trong việc đa dạng hóa nguồn lực tài chính, đặc biệt từ khối tư nhân đầu tư cho các dự án tăng trưởng xanh bao gồm dự án các-bon rừng</b> | <b>2</b>  |
| <b>3 Định hướng thu hút đầu tư tư nhân</b>                                                                                                                  | <b>4</b>  |
| 3.1 Chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực lâm nghiệp                                                                                                          | 5         |
| 3.2 Chính sách ưu đãi thuế                                                                                                                                  | 7         |
| 3.3 Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và tiếp cận các nguồn vốn tín dụng trong và ngoài nước                                                            | 9         |
| 3.4 Cơ chế hỗ trợ dự án các-bon rừng gắn với phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam                                                                     | 13        |
| <b>4 Thảo luận và đề xuất giải pháp</b>                                                                                                                     | <b>15</b> |
| <b>Tài liệu tham khảo</b>                                                                                                                                   | <b>16</b> |

## Danh mục hình, bảng

### Hình

|                                                                           |   |
|---------------------------------------------------------------------------|---|
| 1 Các giải pháp tổng thể về cơ chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam | 5 |
| 2 Bố trí chi NSNN cho sự nghiệp bảo vệ môi trường ở Việt Nam              | 6 |

### Bảng

|                                                                     |   |
|---------------------------------------------------------------------|---|
| 1 Đóng góp giảm phát thải của quốc gia và các lĩnh vực đến năm 2030 | 2 |
| 2 Chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước                           | 6 |
| 3 Chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp đầu tư dự án          | 8 |
| 4 Các hình thức tín dụng đầu tư của Nhà nước                        | 9 |

# Lời cảm ơn

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Global Affairs Canada và UBS đã hỗ trợ cho nghiên cứu này.

# Tóm tắt tổng quan

Xây dựng và thực hiện các dự án các bon rừng đang trở thành một xu thế mới tại Việt Nam, khi cả Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam đều cam kết mạnh mẽ về giảm phát thải, bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và hỗ trợ sinh kế của người dân. Tuy nhiên, chi phí thực hiện dự án các bon rừng thường tốn kém và do vậy là trở ngại lớn đối với khối tư nhân tại Việt Nam trong việc mở rộng đầu tư trong lĩnh vực này.

Để khuyến khích và tạo động lực cho các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ và quy mô đầu tư vào các bon rừng, chính phủ Việt Nam đã xây dựng nhiều chính sách bao gồm các quy định về tài chính, quản lý và lập kế hoạch ngân sách nhà nước tăng cường nguồn lực cho phát triển bền vững; đa dạng hoá chính sách ưu đãi hỗ trợ doanh nghiệp từ thuế, ưu đãi tín dụng đầu tư, tiếp cận thị trường vốn xanh đến tham gia thị trường các-bon trong nước. Tuy nhiên, trong thực tế doanh nghiệp tiếp cận các ưu đãi, hỗ trợ tài chính còn gặp khó khăn do hạn chế về năng lực, tiếp cận thông tin. Chính sách tài chính thiếu đồng bộ và chưa có các hướng dẫn chi tiết cho doanh nghiệp về thông tin, hồ sơ, quy trình, thủ tục thực hiện. Ngoài ra, nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (NSNN), tổ chức tín dụng còn hạn chế và tập trung ưu tiên các dự án năng lượng, công nghiệp có khả năng hoàn vốn và có tài sản bảo đảm khoản vay – điều mà các dự án của ngành lâm nghiệp khó có thể thực hiện được.

Để khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam hiệu quả trong việc tham gia xây dựng, phát triển và thực hiện các dự án các bon rừng, cần phải xây dựng các quy định hướng dẫn cụ thể cho lĩnh vực lâm nghiệp đồng thời cải cách tạo điều kiện về các quy định tín dụng và hỗ trợ ngân sách nhà nước để hỗ trợ ngành lâm nghiệp kịp thời.





# 1 Lời mở đầu

Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu năm 2016 là điều ước quốc tế ràng buộc trách nhiệm pháp lý của 197 quốc gia thành viên trong hoạt động giảm thiểu và ứng phó với biến đổi khí hậu (UNFCCC 2025). Nhận thức được tầm quan trọng của việc giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng, Thỏa thuận Paris và các công ước quốc tế về rừng cũng nhấn mạnh việc các Quốc gia cần có những hành động cụ thể trong việc xây dựng các hành lang chính sách và cơ chế tài chính bền vững để hỗ trợ các giải pháp bảo vệ và phát triển rừng.

Việt Nam đưa ra cam kết, lộ trình giảm phát thải đến năm 2030 đạt 15,8% bằng nguồn lực trong nước và 43,5% với sự hỗ trợ quốc tế (NDC 2022), phấn đấu đạt Net Zero vào năm 2050, trong đó ưu tiên giảm thải trong nhiều lĩnh vực bao gồm năng lượng, nông nghiệp, lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF), chất thải và quá trình công nghiệp (IP). Theo kịch bản thông thường (BAU) đến năm 2030, lĩnh vực LULUCF sẽ hấp thụ được 49,2 triệu tấn CO<sub>2</sub>td vào năm 2030 (NDC 2022 trang 7).

Việt Nam xác định các biện pháp giảm phát thải, tăng cường hấp thụ các-bon trong lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất (NDC 2022 trang 3) gồm: bảo vệ diện tích đất rừng tự nhiên hiện có ở vùng đồi núi; bảo vệ rừng phòng hộ và rừng đặc dụng ven biển; phục hồi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo; nâng cao năng suất và trữ lượng các-bon của rừng trồng gỗ lớn; nhân rộng mô hình nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (NDC 2022 trang 9). Chính phủ đã cụ thể hoá các mục tiêu này tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên thực tế, để triển khai các dự án giảm phát thải khí nhà kính (KNK) thông qua hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng cần thời gian và nguồn lực tài chính, trong khi nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) đầu tư cho lĩnh vực này còn hạn chế. Khuyến khích và đẩy mạnh khối tư nhân đầu tư vào lĩnh vực các bon rừng là đòn bẩy quan trọng tăng cường hiệu quả thực hiện bảo vệ và phát triển rừng.

Mặc dù trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành nhiều cải cách tài chính để tạo ra các cơ chế khuyến khích về tài chính bao gồm thuế, phí, tín dụng xanh, trái phiếu xanh, trái phiếu chính phủ góp phần tích cực bổ sung nguồn lực cho hoạt động phát triển kinh tế hướng tới phát thải ít các-bon, nhiều tổ chức cá nhân làm việc trong lĩnh vực các bon rừng hoặc còn chưa cập nhật hoặc không đủ điều kiện để tiếp cận các nguồn tài chính này dẫn đến các cơ chế nhà nước tạo ra chưa được tối ưu hóa.

Với mong muốn hỗ trợ các doanh nghiệp đang có mong muốn đầu tư vào lĩnh vực các bon rừng, nhóm tác giả của báo cáo này sẽ rà soát, phân tích các cơ chế, chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và thực hiện dự án các-bon rừng, gồm: (i) Chính sách chi từ ngân sách nhà nước; (ii) Ưu đãi thuế; (iii) hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và tiếp cận vốn tín dụng/ưu đãi trong và ngoài nước; và (iv) tham gia thị trường các-bon. Nhóm tác giả cũng sẽ thảo luận những khó khăn và thách thức trong việc triển khai chính sách trong thực tế và đề xuất các giải pháp trong tương lai.

## 2 Sự cần thiết trong việc đa dạng hóa nguồn lực tài chính, đặc biệt từ khối tư nhân đầu tư cho các dự án tăng trưởng xanh bao gồm dự án các-bon rừng

Theo báo cáo phát triển và khí hậu quốc gia Việt Nam giai đoạn 2022-2025 của Ngân hàng Thế giới, để thực hiện lộ trình phát triển thích ứng với biến đổi khí hậu và phát thải ròng bằng 0, Việt Nam cần huy động nguồn lực đầu tư tăng thêm khoảng 6,8% GDP/năm hoặc khoảng 368 tỷ USD đến năm 2040 (WB 2022). Trong đó, nhu cầu đầu tư riêng cho mục tiêu giảm thiểu ước tính khoảng 254 tỷ USD từ năm 2022 đến năm 2040. Để thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải các-bon đến năm 2040, Việt Nam cần thêm 114 tỷ USD bao gồm 81 tỷ USD cho đầu tư và 33 tỷ USD cho các chương trình xã hội (WB 2022).

NDC Việt Nam (2022) đưa ra nhu cầu tài chính cho các biện pháp giảm phát thải của quốc gia và của các lĩnh vực đến năm 2030 là 86.834,7 triệu USD, trong đó nguồn quốc gia tự thực hiện khoảng 21.741,2 triệu USD và nguồn hỗ trợ quốc tế là 65.093,4 triệu USD. Tính riêng lĩnh vực liên quan đến sử dụng đất, thay đổi mục đích sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF). LULUCF về tăng hấp thụ KNK, nhu cầu nguồn lực trong nước là **3.927,4 triệu USD** và **nguồn hỗ trợ quốc tế là 1.567,4 triệu USD** để thực hiện các mục tiêu hấp thụ KNK (Bảng 1).

**Bảng 1. Đóng góp giảm phát thải của quốc gia và các lĩnh vực đến năm 2030**

| Lĩnh vực    | Đóng góp không điều kiện về giảm phát thải |                                           |                               | Giảm phát thải từ hỗ trợ thêm của quốc tế |                                           |                               | Đóng góp có điều kiện về giảm phát thải |                                           |                               |
|-------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|             | So với BAU quốc gia (%)                    | Lượng giảm (triệu tấn CO <sub>2</sub> tđ) | Nhu cầu tài chính (triệu USD) | So với BAU quốc gia (%)                   | Lượng giảm (triệu tấn CO <sub>2</sub> tđ) | Nhu cầu tài chính (triệu USD) | So với BAU quốc gia (%)                 | Lượng giảm (triệu tấn CO <sub>2</sub> tđ) | Nhu cầu tài chính (triệu USD) |
| Năng lượng  | 7,0                                        | 64,8                                      | 14.464,4                      | 17,5                                      | 162,2                                     | 46.097,0                      | 24,4                                    | 227,0                                     | 60.561,4                      |
| Nông nghiệp | 1,3                                        | 12,4                                      | 2.122,8                       | 4,1                                       | 38,5                                      | 13.979,4                      | 5,5                                     | 50,9                                      | 16.102,2                      |
| LULUCF*     | 3,5                                        | 32,5                                      | 3.927,4                       | 1,5                                       | 14,1                                      | 1.567,4                       | 5,0                                     | 46,6                                      | 5.494,8                       |
| Chất thải   | 1,0                                        | 8,7                                       | 916,6                         | 2,2                                       | 19,7                                      | 3.809,5                       | 3,2                                     | 28,4                                      | 4.726,1                       |
| IP          | 3,0                                        | 27,9                                      | 310,0                         | 2,4                                       | 21,9                                      | 640,2                         | 5,4                                     | 49,8                                      | 950,1                         |
| <b>Tổng</b> | <b>15,8</b>                                | <b>146,3</b>                              | <b>21.741,2</b>               | <b>27,7</b>                               | <b>257,4</b>                              | <b>65.093,4</b>               | <b>43,5</b>                             | <b>403,7</b>                              | <b>86.834,7</b>               |

Ghi chú : \*tăng hấp thụ KNK

Nguồn NDC, 2022

Bảng 1 cho thấy LULUCF có tiềm năng giảm phát thải lớn so với các ngành khác, nhưng để có thể thực hiện được cam kết giảm phát thải cho lĩnh vực này cũng cần nguồn tài chính lớn. Để đáp ứng nhu cầu về vốn, cần sự tham gia và hỗ trợ tài chính từ cả khu vực nhà nước, tư nhân và nguồn hỗ trợ quốc tế.

Nguồn vốn tư nhân tương đương khoảng 3,4% GDP (WB, 2022) có thể được huy động thông qua các biện pháp can thiệp chính sách của nhà nước để xác định và phát triển các dự án, kế hoạch đầu tư gắn với quy hoạch ngành và quốc gia, khơi thông dòng tài chính khí hậu; đưa ra các cơ chế tài chính khuyến khích đầu tư dự án (GGGI 2019) gồm:

- **Công cụ trực tiếp:** Sử dụng các quỹ, nguồn tài chính công để khuyến khích đầu tư tư nhân trực tiếp vào các dự án xanh và giảm phát thải KNK (viện trợ, trợ cấp, hỗ trợ kèm khoản vay); cho vay ưu đãi (tín dụng xanh).
- **Công cụ gián tiếp:** sử dụng các quỹ, nguồn tài chính công, tạo ra các cơ chế để huy động thêm nguồn tài chính tăng đầu tư cho khu vực tư nhân trong tăng trưởng xanh và giảm phát thải KNK (trái phiếu xanh), thị trường các-bon và tín chỉ các-bon.

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 với tổng mức vốn thực hiện dự kiến là 78.850 tỷ đồng, trong đó đa phần nguồn lực ưu tiên huy động từ các nguồn vốn hợp pháp (gồm khối tư nhân) là 65.130 tỷ đồng (82,6%), trong khi bố trí từ NSNN là 13.720 tỷ đồng (17,4%).

Để thực hiện các dự án các bon rừng, Hiệp định Cancun nêu rõ cần có các phương án tài chính bền vững và hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ (COP16, 1/CP.16). UNFCCC cũng đưa ra hướng dẫn nhấn mạnh về kết hợp tài chính công tư, song phương, đa phương, và các loại hình tài chính đổi mới để thực hiện các dự án giảm phát thải, bảo vệ phát triển rừng về tài chính như REDD+ (COP 19, 9/CP.19).

### 3 Định hướng thu hút đầu tư tư nhân

Việt Nam áp dụng các cơ chế tài chính nhằm khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam (Luật doanh nghiệp 2020) và tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam (Luật Đầu tư 2020), bao gồm đầu tư vào ngành nghề ưu đãi đầu tư như nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, trồng và bảo vệ rừng hoặc tại địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn (Điều 16 Luật Đầu tư 2020).

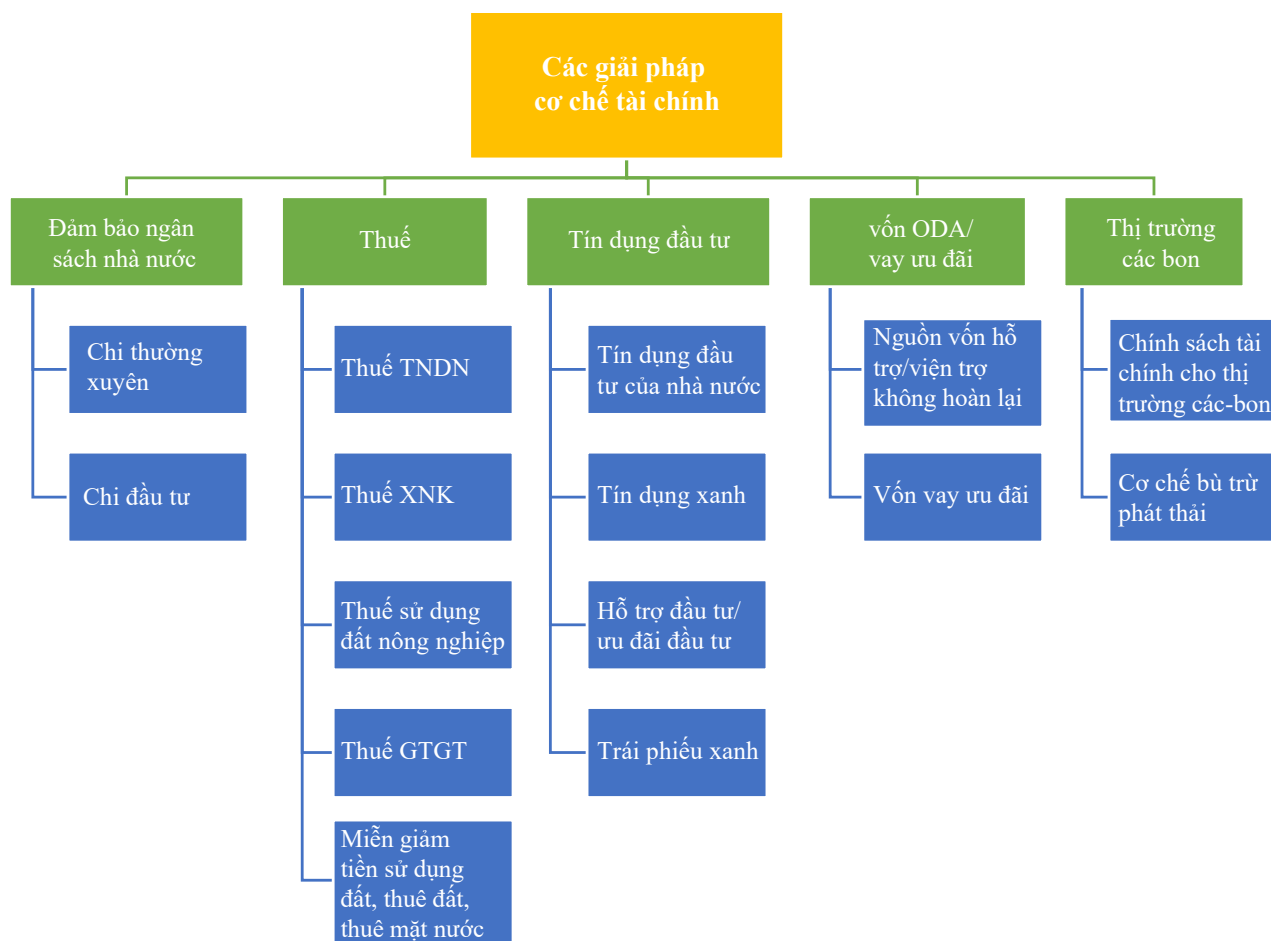
Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều chương trình, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, trong đó xác định tăng trưởng xanh là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức liên quan; nhấn mạnh vai trò ngày càng quan trọng của khối tư nhân và việc tạo động lực để thu hút, khuyến khích đầu tư của khu vực này đóng góp vào tăng trưởng xanh (*Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050*, 2021), tham gia thực hiện các mục tiêu bền vững (*Kế hoạch bền vững doanh nghiệp tư nhân đến năm 2030*, 2019).

Ngày 4/5/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp gồm:

- Đẩy mạnh và đa dạng hoá nguồn vốn cho tư nhân;
- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tín dụng cho kinh tế tư nhân;
- Có chính sách ưu tiên một phần nguồn tín dụng thương mại để dành cho doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng. Hiện nay đã có nhiều chính sách đang được triển khai theo hệ thống pháp luật chuyên ngành và ngân hàng.
- Có cơ chế, chính sách đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đảm bảo nguyên tắc thị trường và tuân thủ cam kết quốc tế, ví dụ như Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2017.
- Bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cho các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, kết hợp huy động nguồn lực từ các quỹ đầu tư của các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, viện nghiên cứu, trường đại học...
- Đẩy mạnh phát triển tín dụng xanh: Nhà nước có cơ chế hỗ trợ lãi suất và khuyến khích các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho doanh nghiệp tư nhân vay để triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG).

Cụ thể hơn Hình 1 miêu tả các giải pháp tổng thể về xây dựng cơ chế tài chính mà Việt Nam đang thực hiện để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực này.

Trong các phần dưới đây nhóm tác giả sẽ phân tích các thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai trong thực tế các cơ chế tài chính này.



**Hình 1. Các giải pháp tổng thể về cơ chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam**

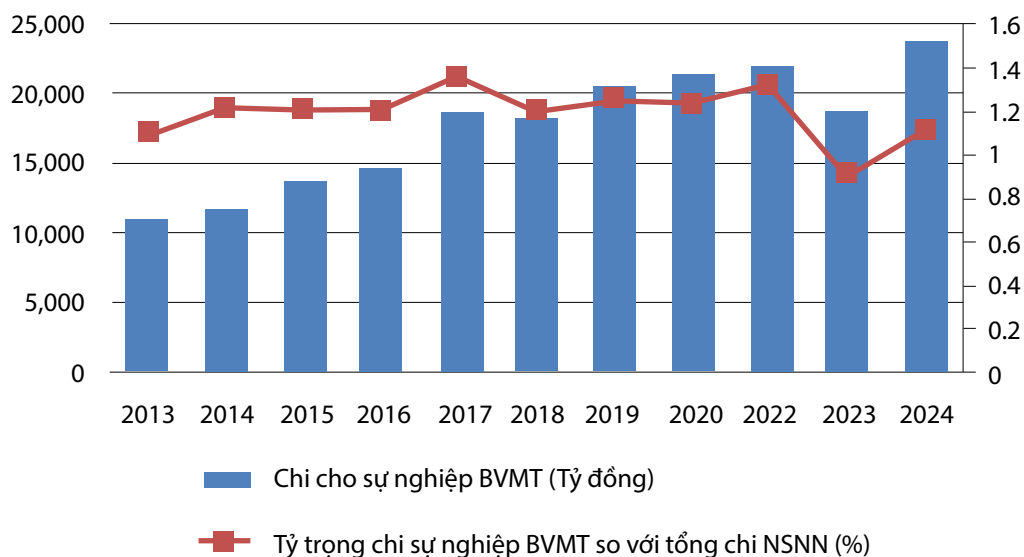
Nguồn: Nhóm tác giả (2025)

### 3.1 Chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực lâm nghiệp

Hoạt động chi ngân sách nhà nước cho đầu tư ở trung ương và địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn, bao gồm chi đầu tư và chi thường xuyên cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng.

Trong giai đoạn 2021-2024, cơ cấu thu NSNN ổn định với tổng thu NSNN ước đạt hơn 7 triệu tỷ đồng (Nguyen 2025). Chi NSNN được kiểm soát trong phạm vi thu ngân sách với tổng chi giai đoạn 2021-2024 đạt khoản 7,85 triệu tỷ đồng (Nguyen 2025). Đối với chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường, trong giai đoạn 2016-2024, NSNN bố trí đảm bảo quy định tối thiểu bằng 1% chi NSNN (Hình 2).

Bảng 2 ghi nhận nhiều cơ chế tài chính đã được xây dựng, những cơ hội và thách thức triển khai trong thực tế khi triển khai các chính sách của nhà nước.



**Hình 2. Bố trí chi NSNN cho sự nghiệp bảo vệ môi trường ở Việt Nam**

Nguồn: Bộ Tài chính (2025)

**Bảng 2. Chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước**

| Chính sách/căn cứ quy định                         | Thuận lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Thách thức                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nghị định 57/2018/NĐ-CP                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngân sách trung ương dành khoản ngân sách tối thiểu 5% vốn đầu tư phát triển hàng năm đầu tư cho ngành nông nghiệp (bao gồm ngành lâm nghiệp);</li> <li>Ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách địa phương hàng năm cho ngành nông nghiệp.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Quy trình, thủ tục đầu tư còn phức tạp, đặc biệt thủ tục giải ngân nguồn vốn NSNN.</li> <li>Khó khăn trong cân đối, phân bổ nguồn lực cho lĩnh vực lâm nghiệp và các hoạt động nông nghiệp khác. Doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn này.</li> </ul> |
| Nghị định 57/2018/NĐ-CP và Nghị định 58/2024/NĐ-CP | Các bộ ngành và địa phương được sử dụng nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội và các quỹ hợp pháp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp.                                                                                                                                                                       | Chưa có rà soát tổng thể các chương trình dự án phát triển xã hội và nguồn vốn thực hiện và chưa có phương án thực hiện lồng ghép thực hiện; khó đánh giá nhu cầu nguồn lực tài chính thực hiện.                                                                                            |
| Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 15/11/2004                | Nhà nước ưu tiên bố trí chi NSNN cho sự nghiệp môi trường hàng năm không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách để thực hiện các hoạt động đầu tư dự án bảo vệ môi trường và xây dựng chiến lược, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm các dự án bảo vệ và phát triển rừng.                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>Mức quy định còn thấp so với nhu cầu đầu tư dự án bảo vệ môi trường;</li> <li>NSNN còn hạn chế, khó khăn trong cân đối, phân bổ nguồn vốn hỗ trợ.</li> </ul>                                                                                         |

*Xem tiếp ở trang sau*

**Bảng 2.** Tiếp trang trước

| Chính sách/căn cứ quy định                 | Thuận lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thách thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021    | <p>Nhà nước có chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho phát triển lâm nghiệp phù hợp với khả năng của NSNN trong từng thời kỳ. Có cơ chế, chính sách phù hợp để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển lâm nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Thực hiện các hoạt động giảm phát thải KNK thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng, bảo tồn nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (REDD+).</li><li>Đa dạng nguồn vốn huy động thực hiện gồm vốn NSNN, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác, vốn tín dụng, dịch vụ môi trường rừng, vốn đầu tư, vốn góp, tài trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>Chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện huy động nguồn lực thực hiện dự án trong khi quy định pháp luật hiện hành mang tính chất hướng dẫn chung, khó khăn trong rà soát, tiếp cận và áp dụng quy định cho ngành lâm nghiệp.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                         |
| Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 | <p>Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân được nhà nước hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"><li>Chưa có hướng dẫn cụ thể về việc triển khai thực hiện và áp dụng các chính sách ưu đãi.</li><li>Chưa có quy định cụ thể và hướng dẫn kỹ thuật chi tiết cho các doanh nghiệp về tiêu chí và việc xác định dự án thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định do Thủ tướng CP đã ban hành Quyết định 21/2025/QĐ-TTg về tiêu chí môi trường và xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh, giờ cần hướng dẫn chi tiết cho doanh nghiệp thực hiện.</li></ul> |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

**3.2 Chính sách ưu đãi thuế**

Thuế là một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách tài chính của Việt Nam, là công cụ tài chính điều tiết hoạt động của nền kinh tế. Chính sách thuế vừa có vai trò quan trọng trong việc tạo các ưu đãi phát triển nền kinh tế xanh cũng như là rào cản nhằm hạn chế các hành vi tác động xấu đến môi trường. Để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp đầu tư, thực hiện các chương trình, dự án tăng trưởng xanh, Nhà nước ban hành chính sách ưu đãi phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và mục tiêu bảo vệ môi trường trong từng thời kỳ (Bảng 3).



**Bảng 3. Chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp đầu tư dự án**

| <b>Nội dung</b>                                                   | <b>Mức ưu đãi</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Căn cứ pháp lý</b>                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Miễn thuế với thu nhập của doanh nghiệp từ sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>Miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lưu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025</li> <li>Quyết định 130/2007/QĐ-TTg</li> </ul> |
|                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Áp dụng mức thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ nuôi trồng lâm sản, sản phẩm cây trồng, rừng trồng tại địa bàn ưu đãi thuế; thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ sản phẩm cây trồng, rừng trồng không thuộc địa bàn ưu đãi thuế.</li> <li>Áp dụng thuế suất 10% trong mười lăm năm đối với doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới, bảo vệ môi trường.</li> <li>Chính sách miễn thuế, giảm thuế khác theo quy định.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                               |
| Ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Miễn thuế hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để bảo vệ môi trường. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (CDM).</li> <li>Miễn thuế đối với giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong nước chưa sản xuất được, cần thiết nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p>Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016</p> <p>Nghị định 134/2016/NĐ-CP và Nghị định 18/2021/NĐ-CP</p>                    |
| Ưu đãi thuế sử dụng đất nông nghiệp                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Miễn thuế cho đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.</li> <li>Miễn thuế trong 3-7 năm tùy vào từng loại đất, mục đích sử dụng đối với đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, đất khai hoang dùng vào sản xuất trồng cây hàng năm; đất trồng cây lâu năm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Khoản 1 Điều 19 Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp 1993; Nghị định 74-CP năm 1993 của Chính phủ                                |
| Ưu đãi thuế giá trị gia tăng                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, vật liệu nhân giống cây trồng không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Luật thuế giá trị gia tăng 2024; Nghị định 181/2025/NĐ-CP                                                                     |
| Ưu đãi miễn giảm tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, thuê mặt nước | <ul style="list-style-type: none"> <li>Doanh nghiệp có dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư, khuyến khích đầu tư thuộc lĩnh vực trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây dược liệu, cây lâm sản ngoài gỗ, sản xuất nông nghiệp hữu cơ được nhà nước giao đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất để làm nhà ở cho người lao động làm việc tại dự án theo quy định tại điều 55 Luật Đất đai được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất; miễn tiền sử dụng đất với diện tích đất đó sau khi được chuyển đổi.</li> <li>Áp dụng mức giá đất ưu đãi và giá thuê đất, thuê mặt nước ổn định tối thiểu 05 năm đối với doanh nghiệp có dự án ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư.</li> <li>Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với doanh nghiệp có dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư.</li> </ul> | Điều 5, Điều 6 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP                                                                                     |
| Hỗ trợ tập trung đất đai                                          | Doanh nghiệp có dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư được hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu và hỗ trợ kinh phí theo quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Điều 7 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP                                                                                             |

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp



Mặc dù nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi về thuế cho doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư nhưng vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, vướng mắc:

- Khung pháp luật về thuế hỗ trợ doanh nghiệp chưa thực sự hoàn thiện, đồng bộ với các văn bản pháp luật chuyên ngành, tính khả thi chưa cao dẫn tới khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận và triển khai thực hiện.
- Chính sách ưu đãi nằm phân tán và liên quan đến từng khâu riêng biệt trong quá trình phát triển dự án. Doanh nghiệp cần phải tìm hiểu, tiếp cận nhiều văn bản khác nhau để rà soát và lọc các chính sách phù hợp trong khi năng lực quản trị, thực hiện dự án của doanh nghiệp còn hạn chế.
- Hạn chế trong tiếp cận thông tin, hướng dẫn về quy trình, thủ tục đăng ký được hưởng các ưu đãi thuế.

### 3.3 Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và tiếp cận các nguồn vốn tín dụng trong và ngoài nước

#### 3.3.1 Tín dụng đầu tư của Nhà nước

Tín dụng đầu tư của nhà nước là sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các hình thức tín dụng để đầu tư các dự án đầu tư phát triển thuộc lĩnh vực được nhà nước khuyến khích (Đặng, 2023). Tín dụng đầu tư của nhà nước được thực hiện dưới nhiều hình thức (Bảng 4):

**Bảng 4. Các hình thức tín dụng đầu tư của Nhà nước**

| Hình thức      | Thuận lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Khó khăn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cho vay đầu tư | <ul style="list-style-type: none"><li>• Thông qua ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB), doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng đầu tư của nhà nước theo quy định tại Nghị định 32/2017/NNĐ-CP và Nghị định 78/2023/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung Nghị định 32/2017/NĐ-CP để thực hiện dự án đầu tư phát triển theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.</li><li>• Tính đến 30/6/2023, tổng dư nợ của VDB là hơn 182.000 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng đầu tư của Nhà nước đạt gần 43.000 tỷ đồng, với hơn 559 dự án vay vốn (Đặng 2023), riêng năm 2024, nhu cầu giải ngân vốn là 18.000 tỷ đồng (VDB, 2024).</li><li>• Ngoài ra, doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn ưu đãi từ các Quỹ tài chính ngoài NSNN như: Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.</li></ul> | Đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước bị giới hạn trong phạm vi hẹp, cần thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay (nông nghiệp, công nghiệp cơ bản, dự án phát triển hạ tầng, an sinh xã hội...), hoặc là dự án trên địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn trong khi điều kiện, thủ tục hồ sơ vay phức tạp. Do đó, các dự án các-bon rừng chưa thực sự tiếp cận được nguồn vốn này. |

*Xem tiếp ở trang sau*

**Bảng 4.** Tiếp trang trước

| Hình thức     | Thuận lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Khó khăn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hỗ trợ đầu tư | <ul style="list-style-type: none"><li>Hỗ trợ đầu tư là việc sử dụng NSNN, các nguồn vốn hợp pháp khác hỗ trợ một phần vốn đầu tư để thực hiện bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản theo quy định của pháp luật (Khoản 2 Điều 3 Nghị định 58/2024/NĐ-CP).</li></ul> <p>Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư được bố trí từ NSNN theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Trường hợp chủ rừng là doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ kinh phí khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên; đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn; hỗ trợ đầu tư xây dựng đường lâm nghiệp và đường băng cản lửa tại những khu rừng sản xuất.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"><li>Các doanh nghiệp đầu tư các bon rừng thường không tiếp cận được các thông tin về chính sách và ưu đãi hiện có.</li><li>Nhiều chủ rừng cho rằng nguồn hỗ trợ chỉ đáp ứng được phần nào nhu cầu thực tế.</li><li>Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc hoàn thiện và nộp hồ sơ, đáp ứng các yêu cầu để nhận hỗ trợ.</li><li>Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt các doanh nghiệp do người dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương hay do phụ nữ lãnh đạo thường gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn hỗ trợ so với các doanh nghiệp lớn.</li></ul> |
|               | <ul style="list-style-type: none"><li>Trừ chủ rừng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chủ rừng là doanh nghiệp sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Nghị định 58/2024/NĐ-CP về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp bao gồm: cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng, sẽ được hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng;</li><li>Hỗ trợ kinh phí chữa cháy rừng; hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp, hỗ trợ trồng cây phân tán, hỗ trợ đầu tư khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hoạt động mang tính chất chuyên ngành khác.</li><li>Các doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có dự án trồng rừng, bảo vệ rừng được hỗ trợ lãi suất vay thương mại không quá 08 năm và tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án với mức hỗ trợ bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. Dự án đã hoàn thành và nghiệm thu được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục đầu tư; sau khi hoàn thành dự án, nghiệm thu và đưa vào sản xuất, kinh doanh thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại ( Điều 8 và Điều 15 Nghị định 57/2018/NĐ-CP).</li></ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

Xem tiếp ở trang sau

**Bảng 4.** Tiếp trang trước

| Hình thức                                                 | Thuận lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Khó khăn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bảo lãnh tín dụng đầu tư – Bảo lãnh Chính phủ             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo lãnh tín dụng đầu tư là hoạt động do tổ chức thực hiện tín dụng đầu tư của nhà nước cam kết với tổ chức tín dụng cho vay vốn về việc trả nợ đầy đủ, đúng hạn của bên vay (Đặng, 2023).</li> <li>Chính phủ cam bảo lãnh với bên cho vay về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp đến hạn trả nợ mà người vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.</li> <li>Đối tượng được xem xét, bảo lãnh là doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Đầu tư công vay vốn hoặc phát hành trái phiếu (Luật Quản lý nợ công 2017).</li> <li>Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện về cấp bảo lãnh Chính phủ về tư cách pháp nhân, hiệu quả đầu tư kinh doanh, có dự án đầu tư theo quy định, phương án tài chính và tỷ lệ vốn chủ sở hữu theo quy định sẽ được bảo lãnh Chính phủ với trị giá gốc của khoản vay, khoản phát hành trái phiếu đầu tư không vượt quá 70% tổng mức đầu tư được phê duyệt của dự án.</li> </ul> | Các dự án được bảo lãnh Chính phủ vay vốn thường có quy mô lớn, điều kiện, quy trình thực hiện phức tạp với nhiều ràng buộc về khoản vay, tính pháp lý, quy trình, thủ tục, đánh giá khả năng trả nợ và tài sản thế chấp nên khả năng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp đầu tư dự án các-bon rừng tiếp cận kênh bảo lãnh Chính phủ cũng hạn chế hơn. |
| Bảo lãnh tín dụng từ Quỹ tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa | <ul style="list-style-type: none"> <li>Quỹ bảo lãnh tín dụng cam kết với tổ chức cho vay về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho doanh nghiệp được bảo lãnh nếu đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh (Nghị định 34/2018/NĐ-CP).</li> <li>Quỹ bảo lãnh tín dụng có thể xem xét cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tối đa bằng 100% giá trị khoản vay tại tổ chức cho vay. Mức bảo lãnh giúp doanh nghiệp có thể huy động tối đa giá trị khoản vay tại các tổ chức cho vay, đảm bảo nguồn lực tài chính thực hiện dự án.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tuy nhiên, để được cấp bảo lãnh tín dụng, doanh nghiệp cần đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định 24/2018/NĐ-CP, đặc biệt cần có dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong từng thời kỳ.                                                                                                    |

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp và phân tích

### 3.3.2 Chính sách thúc đẩy tín dụng xanh

Chính phủ thúc đẩy tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của các ngân hàng thương mại, nhằm huy động và tối ưu hoá nguồn tài chính từ các tổ chức tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các dự án tăng trưởng xanh (Chỉ thị 03/CT-NHNN, 2015). Hệ thống ngân hàng tập trung ưu tiên cấp tín dụng xanh cho các ngành kinh tế thực hiện bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, sử dụng các thành tựu khoa học tiên tiến, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (Quyết định số 1604/QĐ-NHNN, 2018).

Tại tọa đàm “Đẩy mạnh triển khai kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030” năm 2025, Phó Thống đốc thường trực Ngân hàng nhà nước Việt Nam Đào Minh Tú nêu rõ tính đến quý I/2025 có 58 tổ chức tín dụng phát sinh dư nợ xanh với tổng giá trị hơn 704.244 tỷ đồng, tăng hơn 21,2%/năm giai đoạn 2017-2024, các khoản tín dụng xanh tập trung vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (hơn 37%) và nông nghiệp xanh (trên 29%).

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam áp dụng quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 để xác định và cấp tín dụng xanh cho chủ dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh, bao gồm lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và đa dạng sinh học, với các dự án (i) trồng cây hàng năm và cây lâu năm theo tiêu chuẩn bền vững và (ii) trồng rừng mới, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng, quản lý rừng bền vững và áp dụng phương thức canh tác nông lâm kết hợp. Các dự án này được xem xét cấp tín dụng xanh khi đáp ứng yêu cầu về lĩnh vực bảo vệ môi trường/lợi ích về môi trường trong sử dụng hiệu quả tài nguyên đất hoặc phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quy trình sản xuất. Việc ban hành quy định về tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh góp phần hoàn thiện khung pháp lý về tín dụng xanh, tăng cường tính minh bạch hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn xanh và thúc đẩy đầu tư vào các lĩnh vực phát triển bền vững, giảm phát thải.

### **3.3.3 Phát hành trái phiếu xanh**

Trái phiếu xanh là trái phiếu do Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu để huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường (Luật bảo vệ môi trường 2020, Điều 150). Doanh nghiệp thực hiện phát hành trái phiếu xanh và sử dụng nguồn tiền huy động cho các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, bao gồm áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon; cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tiết kiệm năng lượng; xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện với môi trường (Quyết định 1191/QĐ-TTg, 2017).

Việc sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu xanh phải đảm bảo đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư. Các nhóm lĩnh vực dự án xanh được xem xét, đề xuất bao gồm: năng lượng tái tạo, tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, chuyển đổi và quản lý sử dụng đất, lâm nghiệp bền vững, quản lý chất thải bền vững và nông nghiệp xanh. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu xanh theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ (Nghị định 153/2020/NĐ-CP).

Tương tự như tín dụng xanh, việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 21/2025/QĐ-TTg quy định về tiêu chí môi trường và xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh góp phần quan trọng hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về trái phiếu xanh, giúp doanh nghiệp mở rộng cơ hội tiếp cận nguồn vốn đầu tư vào các dự án phát thải ít các-bon, dự án các-bon rừng với chi phí huy động thấp hơn và thủ tục hành chính đơn giản, linh hoạt hơn.

### **3.3.4 Nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài**

Các chương trình/dự án các-bon rừng mang lợi ích cho cả nước phát triển và đang phát triển. Các nước phát triển có thể giảm phát thải với chi phí thấp bằng cách hỗ trợ tài chính cho các nước đang phát triển để giảm phát thải từ ngành lâm nghiệp (Kanako Morita & Ken'ichi Matsumoto, 2023). Doanh nghiệp có thể tiếp cận và huy động nguồn lực tài chính này thông qua việc vay lại toàn bộ hoặc một phần nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ đảm bảo phù hợp với chính sách của nhà tài trợ nước ngoài và quy định pháp luật Việt Nam. Theo đó, doanh nghiệp (i) tiếp cận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi khi tham gia thực hiện chương trình, dự án hỗ trợ khu vực tư nhân của cơ quan chủ quản; hoặc (ii) tiếp cận vốn ODA, vốn vay ưu đãi mà bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng làm vốn chuẩn bị dự án và hỗ trợ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, phần nhà nước tham gia trong dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) theo quy định hiện hành của pháp luật về PPP và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

### **3.3.5 Khó khăn trong việc triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và tiếp cận các nguồn vốn tín dụng trong và ngoài nước**

Mặc dù, nhà nước có nhiều kênh huy động, hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhưng thực tiễn triển khai thực hiện để đầu tư cho các dự án các-bon rừng còn hạn chế, do:

- Ngân sách nhà nước có hạn, nợ công lớn dẫn đến thiếu nguồn vốn đầu tư công để thực hiện vai trò vốn môi, làm đòn bẩy trong công tác huy động đầu tư tư nhân xanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021).
- Dự án tín dụng xanh còn tương đối thấp trong tổng mức tín dụng, tỷ lệ giải ngân vốn chưa cao và chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp xanh và công trình xây dựng xanh.
- Chính sách hiệu hành chưa đồng bộ, thiếu ổn định.
- Dự án các-bon rừng thường có sự phức tạp, đòi hỏi kỹ thuật, công nghệ, thời gian đầu tư nhiều và chi phí tài trợ cao, mức độ rủi ro lớn. Lĩnh vực chưa đủ hấp dẫn thu hút vốn từ ngân hàng, nên lãi suất cho vay chưa có sự ưu đãi tốt nhất.
- Nhận thức, năng lực của địa phương và doanh nghiệp về nội hàm các-bon rừng và đầu tư dự án các-bon còn nhiều bất cập nên chưa thu hút được sự quan tâm mạnh mẽ của doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân, nhà tài trợ đầu tư cho dự án.

## **3.4 Cơ chế hỗ trợ dự án các-bon rừng gắn với phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam**

### **3.4.1 Giao dịch tín chỉ các-bon rừng trên thị trường các-bon**

Việt Nam đặt mục tiêu phát triển thị trường các-bon góp phần thực hiện mục tiêu giảm phát thải KNK của quốc gia với chi phí của doanh nghiệp và xã hội thấp, tạo dòng tài chính mới cho hoạt động cắt giảm phát thải KNK, chuyển đổi xanh (Quyết định 232/QĐ-TTg về Đề án thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam, 2025). Các hoạt động tăng cường khả năng hấp thụ KNK từ rừng được khuyến khích phát triển và lồng ghép trong kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK cấp lĩnh vực (Nghị định 06/2022/NĐ-CP, khoản 3 Điều 8);

Chính phủ tạo điều kiện cho việc phát triển các chương trình, dự án trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon, tạo đầu ra cho tín chỉ các-bon nói chung và tín chỉ các-bon rừng nói riêng. Doanh nghiệp được lựa chọn triển khai dự án theo (i) Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước; và (ii) Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế phù hợp với Điều 6.2 Thỏa thuận Paris và Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris hoặc theo quy định do cơ quan quản lý quy chế ban hành.

Doanh nghiệp xây dựng phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon trong nước từ dự án các-bon rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc phương pháp do công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu công nhận hoặc phương pháp khác do các bộ quản lý lĩnh vực công nhận theo quy định (Nghị định 119/2025/NĐ-CP). Đồng thời, cho phép cơ sở được sử dụng tín chỉ các-bon từ dự án thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế để bù trừ không quá 30% lượng hạn ngạch phát thải KNK được phân bổ của cơ sở (Nghị định 119/2025/NĐ-CP khoản 8 Điều 1), đồng thời khuyến khích các tổ chức mua tín chỉ các-bon để giảm phát thải KNK tự nguyện làm tăng tính hấp dẫn cho thị trường các-bon và giao dịch tín chỉ các-bon rừng.

Quy định về xây dựng, đăng ký thực hiện dự án các-bon rừng tại Việt Nam đang từng bước hoàn thiện tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, phát triển dự án. Tuy nhiên tiến độ xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và hệ thống giao dịch phát thải còn chậm, chưa tạo được động lực và môi trường đầu tư, kinh doanh cho doanh nghiệp, chưa triển khai thực hiện trong thực tiễn (Phạm và cộng sự 2022).

### **3.4.2 Cơ chế thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính**

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ký kết Thỏa thuận chi trả kết quả giảm phát thải chương trình giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ (Thỏa thuận ERPA) với Ngân hàng Tái thiết và phát triển quốc tế thuộc Ngân hàng thế giới chuyển nhượng lượng giảm phát thải 10,3 triệu tấn CO<sub>2</sub> với giá 5 USD/ tấn CO<sub>2</sub>. Chính phủ ban hành Nghị định số 107/2022/NĐ-CP hướng dẫn việc quản lý tài chính Thỏa thuận ERPA như đối với dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại khoản 3 Điều 61 và Điều 63 Luật Lâm nghiệp.

Thỏa thuận ERPA và Nghị định 107/2022/NĐ-CP đánh dấu sự thành công trong giao dịch chứng nhận giảm phát thải từ rừng tại Việt Nam, tạo nguồn lực tái đầu tư vào bảo vệ và phát triển rừng. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng với chứng nhận giảm phát thải từ rừng tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ, chưa có quy phạm pháp luật hướng dẫn chung cho các giao dịch này dẫn đến doanh nghiệp tư nhân khó tiếp cận các thỏa thuận này và thiếu năng lực trong tổ chức triển khai thực hiện. Ngoài ra, hướng dẫn về quản lý tài chính đối với dịch vụ môi trường rừng từ hấp thụ và lưu trữ các-bon rừng chậm ban hành, quy định về quản lý chất lượng của một số dịch vụ môi trường còn thiếu, nhất là các quy định về định mức kinh tế, kỹ thuật và đơn giá cho các loại hình hoạt động dịch vụ môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2020) dẫn đến khó khăn trong thực hiện và quản lý nguồn thu từ chuyển nhượng chứng nhận giảm phát thải từ rừng.



## 4 Thảo luận và đề xuất giải pháp

Doanh nghiệp có các dự án giảm phát thải từ mất rừng, suy thoái rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, được hưởng các ưu đãi đối chung đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên tại Việt Nam. Các chính sách hỗ trợ của nhà nước nhằm nâng cao lợi nhuận, tăng tỷ lệ hoàn vốn nội bộ, giúp dự án hấp dẫn hơn với nhà đầu tư (chính sách thuế nhập khẩu, ưu đãi thuế khác) hoặc giảm thiểu rủi ro đầu tư của dự án bằng các hỗ trợ tài chính hoặc phi tài chính như chính sách đầu tư, cơ chế tăng cường tín dụng (GGGI 2016).

Tham gia cơ chế giao dịch tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế tạo động lực doanh nghiệp đầu tư vào dự án các-bon rừng thúc đẩy phát triển thị trường các-bon rừng chất lượng cao. Thương mại phát thải từng bước được thực hiện và tạo nguồn tài chính hỗ trợ doanh nghiệp tái đầu tư vào các dự án bảo vệ và phát triển rừng cũng như hỗ trợ sinh kế cho người dân.

Việt Nam thực hiện cải cách mạnh mẽ khung khổ pháp luật về tài chính, ngân sách nhà nước để tăng cường nguồn lực đầu tư tư nhân cho phát triển bền vững. Hệ thống các luật về thuế, phí liên tục được rà soát, hoàn thiện và thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện quốc gia và cam kết về hội nhập quốc tế. Công tác huy động nguồn lực từ các nguồn vốn khác như tín dụng xanh, trái phiếu xanh, trái phiếu chính phủ góp phần tích cực bổ sung nguồn lực cho hoạt động phát triển kinh tế hướng tới phát thải ít các-bon.

Theo đó, để hoàn thiện hệ thống pháp luật và đảm bảo chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước đến được doanh nghiệp khi triển khai các dự án các-bon rừng, một số giải pháp đề xuất gồm:

- Cần có văn bản quy phạm pháp luật riêng về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dự án các-bon rừng để đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong triển khai. Trước mắt, cần hệ thống hoá chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án các-bon rừng và xây dựng sổ tay hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ chi tiết hỗ trợ doanh nghiệp tham gia và tiếp cận các nguồn tài chính này.
- Bộ ngành, địa phương chủ động cân đối ngân sách đầu tư cho các dự án xanh và dự án các-bon rừng, tham gia trực tiếp, hỗ trợ các dự án đầu tư tư nhân hướng tới tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.
- Sớm ban hành Nghị định quy định về sàn giao dịch các-bon trong nước, hoạt động giao dịch và hoàn thiện chính sách tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon.
- Sớm ban hành các hướng dẫn kỹ thuật chi tiết cho lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp được xem xét, xác nhận thuộc Danh mục phân loại xanh và đào tạo đội ngũ thẩm định đủ điều kiện, đáp ứng nhu cầu tiếp cận nguồn tín dụng xanh, trái phiếu xanh của doanh nghiệp.
- Lồng ghép chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tăng trưởng xanh trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội quốc gia và địa phương 05 năm và hàng năm để tăng cường sự đồng bộ, thống nhất trong triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội.
- Tăng cường tuyên truyền phổ biến chính sách ưu đãi đầu tư cho dự án các-bon rừng tới doanh nghiệp, bao gồm các quy định mới về tín dụng xanh, xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh và thị trường các-bon. Xây dựng, phát triển các kênh hỗ trợ, đối thoại với doanh nghiệp để tìm hiểu, đầu tư vào dự án các-bon rừng.

# Tài liệu tham khảo

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 2021. *Báo cáo thuyết minh xây dựng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Bộ Tài chính. (2015). Quyết định 2183/QĐ-BTC về kế hoạch hành động của ngành tài chính thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020.
- Bộ Tài chính. 2025. *Hồ sơ về trình Thủ tướng Chính phủ tiếp nhận nguồn hỗ trợ ngân sách chung từ Chính phủ Nhật Bản*. Hà Nội.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2020. *Báo cáo Chính phủ về tổng kết 05 năm thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 2014 (số 37/BC-BTNMT, ngày 05/4/2020)*.
- Chính phủ. (2018). Nghị định 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
- Chính phủ. (2020). Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.
- Chính phủ. (2021). Nghị định 114/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
- Chính phủ. (2022). Nghị định 06/2022/NĐ-CP về giám phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.
- Chính phủ. (2025). Nghị định 119/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.
- Chính phủ. (2025). Nghị định số 95/2025/NĐ-CP Quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
- Đặng VH. 2023. *Tin dụng đầu tư của nhà nước – Sự cần thiết cho đầu tư phát triển quốc gia*. Tạp chí Ngân hàng. Available at <https://tapchinganhang.gov.vn/tin-dung-dau-tu-cua-nha-nuoc-su-can-thiet-cho-dau-tu-phat-trien-quoc-gia-6705.html> (truy cập ngày 14/7/2025).
- GGGI (The Global Green Growth Institute). 2016. *Mind gap Bridging the climate financing gap with innovative financial mechanism*. Available at: <https://gggi.org/report/mind-the-gap-bridging-the-climate-financing-gap-with-innovative-financial-mechanisms/> (truy cập 22/6/2025).
- GGGI (The Global Green Growth Institute). 2019. *Mobilization of Private Investment in Green Growth in Viet Nam* Available at: <https://gggi.org/report/mobilization-of-private-investment-in-green-growth-in-viet-nam-case-studies-based-on-gggis-activities/> (truy cập 27/6/2025)
- Kanako Morita và Ken'ichi Matsumoto. 2023. *Challenges and lessons learned for REDD+ finance and its governance*. Available at: <https://cbmjournal.biomedcentral.com/articles/10.1186/s13021-023-00228-y> (truy cập 20/06/2025).
- Lê HL. 2021. *Nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận vốn vay ưu đãi của doanh nghiệp tại các Quỹ bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế. Học viện ngân hàng.
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam. 2024. *Tăng tiếp cận vốn tín dụng Nhà nước qua VDB*. Available at <https://vdb.gov.vn/tin-tuc/16395/tang-tiep-can-von-tin-dung-nha-nuoc-qua-vdb.aspx> (Truy cập 12/7/2025).
- Ngân hàng thế giới (World Bank). 2022. *Báo cáo quốc gia về khí hậu và phát triển - Việt Nam dung hoà phát triển kinh tế với rủi ro khí hậu*. Available at: <https://openknowledge.worldbank.org/server/api/core/bitstreams/d9e987cb-8b0b-51c9-baef-d2bf8e28bdd0/content> (truy cập 20/06/2025)
- Nguyen NQ. 2025. *Huy động và sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho mục tiêu phát triển bền vững*. Tạp chí tài chính online. Available at: <https://tapchitaichinh.vn/huy-dong-va-su-dung-nguon-luc-tai-chinh-tu-ngan-sach-nha-nuoc-cho-muc-tieu-phat-trien-ben-vung.html> (truy cập 15/06/2025).
- Pham TT, Tang TKH Nguyen CC. 2022. Forest carbon market in Vietnam: Legal framework, opportunities and challenges. Occasional Paper 238. Bogor, Indonesia: CIFOR
- Quốc hội. (1993). Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp số 23-L/CTN.
- Quốc hội. (2016). Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.



Quốc hội. (2017). Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14.

Quốc hội. (2017). Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14.

Quốc hội. (2020). Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

Quốc hội. (2025). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

Thủ tướng Chính phủ. (2017). Quyết định 1191/QĐ-TTg phê duyệt lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Thủ tướng Chính phủ. (2014). Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Thủ tướng Chính phủ. (2019). Quyết định số 1362/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch bền vững doanh nghiệp tư nhân đến năm 2030.

Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 523/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UNFCCC (The United Nations Climate Change). *The Paris Agreement*. Available at: <https://unfccc.int/process-and-meetings/the-paris-agreement> (truy cập 28/6/2025)

UNFCCC. 2016. Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

Việt Nam. (2022). Đóng góp do quốc gia tự quyết định

**Các báo cáo kỹ thuật của CIFOR-ICRAF bao gồm các kết quả nghiên cứu sơ bộ hoặc nâng cao về các vấn đề về rừng ở các khu vực nhiệt đới và cần được công bố vào thời điểm thích hợp để tạo ra và thúc đẩy các cuộc thảo luận. Nội dung báo cáo đã được rà soát nội bộ nhưng chưa trải qua quá trình bình duyệt từ các chuyên gia bên ngoài tổ chức.**

Mặc dù trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành nhiều cải cách tài chính để tạo ra các cơ chế khuyến khích về tài chính bao gồm thuế, phí, tín dụng xanh, trái phiếu xanh, trái phiếu chính phủ góp phần tích cực bổ sung nguồn lực cho hoạt động phát triển kinh tế hướng tới phát thải ít các-bon, nhiều tổ chức cá nhân làm việc trong lĩnh vực các bon rừng hoặc còn chưa cập nhật hoặc không đủ điều kiện để tiếp cận các nguồn tài chính này dẫn đến các cơ chế nhà nước tạo ra chưa được tối ưu hóa.

Với mong muốn hỗ trợ các doanh nghiệp đang có mong muốn đầu tư vào lĩnh vực các bon rừng, nhóm tác giả của báo cáo này sẽ rà soát, phân tích các cơ chế, chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và thực hiện dự án các-bon rừng, gồm: (i) Chính sách chi từ ngân sách nhà nước; (ii) Ưu đãi thuế; (iii) hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và tiếp cận vốn tín dụng/ưu đãi trong và ngoài nước; và (iv) tham gia thị trường các-bon. Nhóm tác giả cũng sẽ thảo luận những khó khăn và thách thức trong việc triển khai chính sách trong thực tế và đề xuất các giải pháp trong tương lai.

UBS Optimus  
Foundation



Global Affairs  
Canada

Affaires mondiales  
Canada

**cifor-icraf.org**

**forestsnews.cifor.org**

## CIFOR-ICRAF

Tổ chức Nghiên cứu Lâm Nghiệp Quốc Tế và Tổ chức Nghiên cứu Nông Lâm Quốc Tế (CIFOR-ICRAF) hướng tới giải quyết các thách thức toàn cầu hiện nay bao gồm biến đổi khí hậu, suy thoái và mất đa dạng sinh học, bất bình đẳng cũng như đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế bền vững. CIFOR-ICRAF là tổ chức nghiên cứu CGIAR.

